

Số: 2348 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Sheng He (Việt Nam) của Công ty TNHH MTV gỗ Sheng He (Việt Nam);

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH MTV gỗ Sheng He (Việt Nam) tại Văn bản số 04/GSH ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 10/CV ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc giai trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Sheng He (Việt Nam) tại lô 158, 164, 165 khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung 3, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7522/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV gỗ Sheng He (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Sheng He (Việt Nam) tại lô 158, 164, 165 khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung 3, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (thuê nhà xưởng Công ty TNHH MTV gỗ Khang Đạt (Việt Nam) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Sheng He (Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: lô 158, 164, 165 khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung 3, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901277404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8771663315 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 7 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3901277404.

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất, gia công ván lạng mỏng, gỗ cưa, xẻ và bào.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 14.729 m².

1.6.3. Công suất: sản xuất, gia công ván lạng mỏng 10.000 m³/năm, gỗ cưa, xẻ và bào 1.000 m³/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH MTV Gỗ Sheng He (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Gỗ Sheng He (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Nhà máy đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Gỗ Sheng He (Việt Nam) hoặc tại trụ sở UBND phường An Tịnh, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Sheng He (Việt Nam) của Công ty TNHH MTV gỗ Sheng He (Việt Nam) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5 Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *sc*

Nơi nhận: *sc*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQL Khu kinh tế tỉnh;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Tịnh;
- Cty TNHH MTV Gỗ Sheng He (Việt Nam);
- Chi nhánh Cty Sepzone Linh Trung VN KCX và CN Linh Trung III;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2342./GPMT – UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, không xả ra môi trường).

Công ty TNHH MTV Gõ Sheng He (Việt Nam) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải với Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) - Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) tại Hợp đồng số 276.176/HĐLT.2022 ngày 01/11/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại các khu vực: văn phòng, nhà xưởng sản xuất với lưu lượng lớn nhất là 12,8 m³/ngày được thu gom về bể tự hoại để xử lý, có 02 bể tự hoại, thể tích 10 m³/bể. Nước thải sau khi qua bể tự hoại theo đường ống uPCV dẫn ra hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đã ký giữa Công ty với Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) - Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Nước thải sản xuất gồm: nước thải từ công đoạn nấu gỗ với lưu lượng 7,5 m³/ngày và nước thải và từ công đoạn tước ẩm gỗ nguyên liệu với lưu lượng 0,5 m³/ngày được thu gom bằng mương bê tông dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sau đó tái sử dụng cho công đoạn tước ẩm gỗ nguyên liệu của Dự án, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nối nước thải:

Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà xưởng → bể tự hoại → hồ gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

Nước thải sản xuất (nước thải từ công đoạn nấu gỗ và nước thải và từ công đoạn tước ẩm gỗ nguyên liệu) → hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 10 m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể điều hòa → bể phản ứng → bể tạo bông → bể tuyển nổi → bể trung gian → bồn lọc.

Nước thải sau bồn lọc bơm về bể chứa nước thải sau xử lý để tái sử dụng 100% cho công đoạn tước ẩm gỗ nguyên liệu của Dự án, không thải ra môi trường.

Hóa chất sử dụng: PAC, Polyme.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại, có 02 bể, thể tích 10 m³/bể, kích thước 2,5m x 2,5m x 1,6m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có công suất xử lý 10 m³/ngày.đêm gồm:

+ Một (01) bể điều hòa có thể tích hữu ích 35,0 m³, kích thước L x W x H = 7,0m x 2,0m x 3m, kết cấu bê tông cốt thép;

+ Một (01) bể phản ứng có thể tích hữu ích 0,6 m³, kích thước D x H = 0,76m x 1,140m, vật liệu nhựa;

+ Một (01) bể tạo bông có thể tích hữu ích 0,6 m³, kích thước D x H = 0,76m x 1,140m, vật liệu nhựa;

+ Một (01) bể tuyển nổi có thể tích hữu ích 0,6 m³, kích thước D x H = 0,76m x 0,70m, vật liệu inox SUS 304;

+ Một (01) bể trung gian có thể tích hữu ích 1,2 m³, kích thước D x H = 0,99m x 1,41m, vật liệu nhựa;

+ Một (01) bồn lọc có thể tích hữu ích 0,2 m³, kích thước D x H = 0,40m x 1,70m, vật liệu composite;

+ Một (01) bể chứa nước thải sau xử lý có thể tích hữu ích 13 m³, kích thước D x H = 1,96m x 3,57m, vật liệu inox SUS 304.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thu gom nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép đầu nổi, tiếp nhận của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, không xả trực tiếp ra môi trường. Thu gom, xử lý nước thải sản xuất (công đoạn nấu gỗ và tước ẩm gỗ nguyên liệu) đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT để tái sử dụng 100% cho hoạt động sản xuất của Công ty, không xả ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận của khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số2548.../GPMT-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn bụi phát sinh từ hoạt động của máy cắt gỗ tạo rãnh ở nhà xưởng số 1.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Dòng khí thải:**

Có 01 dòng bụi, khí thải từ máy cắt gỗ tạo rãnh ở nhà xưởng số 1 xả ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

Tại đầu ra của thiết bị lọc bụi túi vải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 598.245; Y = 1217.345.

(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^o30' múi chiếu 3^o)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thoát ra cửa thoát khí sau thiết bị lọc bụi túi vải với lưu lượng lớn nhất là 2.100 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý bằng thiết bị lọc bụi túi vải được xả ra môi trường qua túi lọc, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Bụi, khí thải sau thiết bị lọc bụi túi vải xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số k_p = 1,0 và k_v = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không áp dụng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải tại máy cắt gỗ tạo rãnh được thu gom về thiết bị lọc bụi túi vải, khí thải sau xử lý thoát ra môi trường qua túi lọc.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tại máy cắt gỗ tạo rãnh lắp đặt 01 thiết bị lọc bụi túi vải để lọc bụi, không khí sau khi lọc thoát ra môi trường qua túi lọc.

Thiết bị lọc bụi túi vải có công suất lọc là 2.100 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra thiết bị lọc bụi túi vải; định kỳ bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, thường xuyên vệ sinh thiết bị lọc bụi túi vải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2348/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại nhà xưởng số 01

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy máy cắt rãnh.
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy lạng gỗ.
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy cắt biên ván lạng.

Tại nhà xưởng số 02:

- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy cắt gỗ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X = 587 937; Y = 1220 844.
- Nguồn số 02: X = 587 931; Y = 1220 833.
- Nguồn số 03: X = 578 938; Y = 1220 840.
- Nguồn số 04: X = 587 936; Y = 1220 837.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2348./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2	Rắn
2	Ấc quy chì thải	19 06 01	3	Rắn
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	3	Rắn
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12	Rắn
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	5	Rắn
Tổng khối lượng			25	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bao bì nhựa thải đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH	18 01 06		
1.1.	Màng nhựa PE thải		60	Rắn
1.2.	Giấy vụn, bao bì giấy		60	Rắn
2	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ	09 01 02		

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
2.1.	Cặn gỗ		1.800	Rắn
2.2.	Sản phẩm không đạt yêu cầu		7.620	Rắn
3	Mùn cưa, bụi gỗ, gỗ vụn, dăm bào	09 01 03	10.680	Rắn
Tổng khối lượng			-	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	24
Tổng khối lượng		24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: tường gỗ bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: tường gỗ bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy tại các khu vực có phát sinh.

2.3.2 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2348./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III. Thu gom xử lý nước thải từ công đoạn nấu gỗ và tưới ẩm gỗ nguyên liệu về hệ thống xử lý nước thải của Dự án để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sau đó tái sử dụng 100% cho công đoạn tưới ẩm gỗ nguyên liệu của Dự án, tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi

trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

15. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

16. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.